

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23/2025/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Tuấn Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hoàng Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST-LĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 16/2025/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Công ty TNHH J.

Địa chỉ trụ sở: Đường số E, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Dong H, chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc (Vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Hồng T1, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 30-10-2024) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Nguyễn Thị T trình bày:

Tháng 8-2007 do chị Nguyễn Thị Ngọc D là em ruột của chị chưa đủ 18 tuổi nên chị D có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị để đi làm tại Công ty TNHH J. Chị D được Công ty TNHH J tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 7208008134 từ tháng 9-2007 cho đến tháng 5-2010 chị D xin nghỉ việc. Đồng thời, chị D đã rút các khoản tiền bảo hiểm xã hội được hưởng trong thời gian mà chị D đã làm việc tại Công ty TNHH J. Trong khi đó, tháng 6-2008 chị được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH G và chị được Công ty TNHH G - GD tham gia bảo hiểm xã hội. Đến tháng 01-2009 chị xin nghỉ việc và đã rút toàn bộ số tiền được hưởng bảo hiểm xã hội trong giai đoạn chị làm việc tại Công ty này. Đến tháng 12-2013 chị tiếp tục làm việc tại Công ty TNHH B (V) và được Công ty TNHH B (V) tham gia bảo hiểm xã hội cho đến nay với số sổ: 7208028424. Tháng 5-2024 chị làm hồ sơ xin chỉnh lại sổ bảo hiểm xã hội thì được Bảo hiểm xã hội huyện G thông báo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của chị bị trùng từ tháng 6-2008 đến tháng 12-2008 là 06 tháng, do cùng một tên “Nguyễn Thị T” và cùng một thời điểm lại tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 Công ty khác nhau. Do đó, chị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị D (đứng dưới tên Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH J vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và chị T là chị em ruột với nhau nên tháng 8-2007 do chưa đủ tuổi để đi làm nên chị có mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên của chị T để đi làm tại Công ty TNHH J. Chị đã làm việc tại Công ty này từ tháng 9-2007 cho đến tháng 5-2010 chị xin nghỉ việc và trong thời gian này Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho chị. Sau khi nghỉ việc chị đã nhận số tiền bảo hiểm xã hội của thời gian đi làm tại Công ty này. Hiện tại, chị T làm thủ tục chỉnh lại sổ bảo hiểm xã hội nhưng không được do thời điểm chị T cho chị mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm thì chị T đang làm việc tại Công ty TNHH G và Công ty có tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho chị T. Do đó, chị xác định có sự việc trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội như chị T đã trình bày. Nay chị đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị (đứng dưới tên Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH J vô hiệu.

Tại Văn bản số: 05/2024 ngày 22-11-2024 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH J là ông Park Dong H trình bày:

Ngày 07-9-2007 Công ty TNHH J và chị T có ký hợp đồng lao động, chị T được tuyển dụng vào vị trí công nhân và chị T làm việc tại Công ty TNHH J từ ngày 07-9-2007 đến ngày 11-6-2010 nghỉ việc nên Công ty TNHH J đã chấm dứt hợp đồng lao động với chị T kể từ tháng 6-2010. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH J thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho chị T từ tháng 9-2007 đến tháng 6-2010 với số sổ bảo hiểm xã hội: 7208008134 và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH J không biết việc chị D mượn giấy chứng minh nhân dân của chị T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J. Nay Công ty TNHH J đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị D đứng dưới tên là Nguyễn Thị T và Công ty TNHH J vô hiệu.

Tại Văn bản số: 593/BHXXH-BTXXTB ngày 19-3-2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh là bà Lâm Thị Hồng T1 trình bày:

Bảo hiểm xã hội thị xã T cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của chị T với mã số bảo hiểm xã hội: 7208008134 và chị T đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần trong quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH J từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010. Kiến nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị T và Công ty TNHH J vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và đương sự chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị T. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T với Công ty TNHH J là vô hiệu.

2. Chị T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

“Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 và điểm d khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH J có địa chỉ trụ sở chính tại: Đường số E, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Thẩm phán vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Chị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị T (do chị D sử dụng giấy chứng minh nhân dân của chị T để ký kết) với Công ty TNHH J vô hiệu:

[2.1] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ việc chị T và chị D đều xác định là chị D có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị T để đi làm việc tại Công ty TNHH J với thời gian từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010. Vì vậy, việc chị D sử dụng thông tin cá nhân của chị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010 là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ việc, Bảo hiểm xã hội thị xã T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị T và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của chị T thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội mang tên chị T bị trùng từ tháng 6-2008 đến tháng 12-2008 do chị T làm tại 02 Công ty khác nhau, nhưng chị T đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần của quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH J từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc chị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị T (do chị D sử dụng giấy chứng minh nhân dân của chị T để ký kết) với Công ty TNHH J từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010 vô hiệu là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án cần chấp nhận.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị T là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên chị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 33, 35, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (do chị Nguyễn Thị Ngọc D ký kết) với Công ty TNHH J từ tháng 9-2007 đến tháng 5-2010 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số: 0000431 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CC.THADS thị xã Trảng Bàng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Tuấn Anh